

PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

● NGUYỄN THỊ DIỄM HƯỜNG

TÓM TẮT:

Giải thể doanh nghiệp là thủ tục hành chính do doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Đây vốn được hiểu là một trong những thủ tục rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều doanh nghiệp đã thực sự không còn tồn tại và hoạt động nữa nhưng không có một thủ tục chấm dứt nào được thực hiện. Đôi khi, các chủ nợ cũng ngỡ ngàng vì tìm kiếm “đối tác” để đòi nợ mà không thấy. Bên cạnh đó, ý thức của chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với nghĩa vụ giải thể doanh nghiệp chưa cao, chế tài luật định trong những trường hợp này hầu như không phát huy tác dụng. Mặc dù chế định giải thể doanh nghiệp đã được hoàn thiện nhiều lần cùng với việc ban hành các Luật doanh nghiệp thay thế, nhưng hiệu quả điều chỉnh hoạt động giải thể doanh nghiệp vẫn không mấy khả quan. Vì vậy, cần những giải pháp đồng bộ và toàn diện để hạn chế tình trạng doanh nghiệp “âm thầm biến mất” hoặc “bỏ của chạy lấy người” trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Từ khóa: Giải thể doanh nghiệp, pháp luật doanh nghiệp, giải pháp đồng bộ và toàn diện.

Đặt vấn đề

Giải thể doanh nghiệp là việc chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp theo quyết định của các chủ sở hữu hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp nhất định. Giải thể doanh nghiệp theo ý chí của các chủ sở hữu được xem là giải thể tự nguyện và giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được xem là giải thể bắt buộc. Giải thể doanh nghiệp tự nguyện thường là kết quả của các quyết định kinh doanh, khi các chủ doanh nghiệp nhận thấy việc tồn tại của doanh nghiệp là không còn cần thiết hoặc không có hiệu quả, không đạt được các mục tiêu kinh doanh mà chủ sở hữu đặt ra hoặc kỳ vọng. Các chủ doanh nghiệp có thể quyết định chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp

bằng thủ tục giải thể. Ngoài ra, doanh nghiệp có thể bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do doanh nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện để tiếp tục hoạt động hay vi phạm các quy định của pháp luật.

1. Các trường hợp giải thể doanh nghiệp

Theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2014, doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

Thứ nhất, khi doanh nghiệp kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ doanh nghiệp mà không có quyết định gia hạn. Thời điểm doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh (bằng hồ sơ thành lập doanh nghiệp), trong bản Điều lệ đầu tiên của doanh nghiệp các chủ sở hữu sẽ ấn định

trước thời hạn hoạt động của doanh nghiệp và hết thời hạn đó mà không gia hạn hoặc có thể không được phép gia hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì doanh nghiệp phải tiến hành thủ tục giải thể.

Thứ hai, trường hợp giải thể bằng quyết định của các chủ sở hữu khi doanh nghiệp đang hoạt động, đó phải là quyết định của chính chủ sở hữu (nếu doanh nghiệp một chủ sở hữu) hoặc cơ quan có quyền quyết định cao nhất của các chủ sở hữu (nếu doanh nghiệp từ hai chủ sở hữu trở lên), như: Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục mà pháp luật và điều lệ doanh nghiệp đó quy định.

Thứ ba, đối với những loại hình doanh nghiệp luật đòi hỏi số lượng thành viên tối thiểu như: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (tối thiểu phải có hai thành viên), Công ty cổ phần (tối thiểu phải có ba cổ đông), Công ty hợp danh (tối thiểu phải có hai thành viên hợp danh) mà doanh nghiệp không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu như trên phải chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp khác hoặc phải giải thể nếu tình trạng thiếu thành viên kéo dài trong thời hạn 06 tháng liên tục.

Thứ tư, khi doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp như: Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo; doanh nghiệp do những người bị cấm thành lập doanh nghiệp thành lập; doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế; doanh nghiệp không gửi báo cáo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản hoặc các trường hợp khác theo quyết định của Tòa án phải tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp. Riêng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà Giấy chứng nhận đầu tư (Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) được coi là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hay Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc là cơ sở để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, việc bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư sẽ dẫn đến việc giải thể doanh nghiệp được thành lập theo

Giấy chứng nhận đầu tư đó. Dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp quy định tại khoản 2, 3 Điều 47 Luật Đầu tư 2014.

Đồng thời, theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, doanh nghiệp chỉ có thể thực hiện thủ tục giải thể nếu tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm giải thể đủ để thanh toán tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, đồng thời doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Điều đó khẳng định, doanh nghiệp muốn giải thể phải trả hết tất cả các khoản nợ, hoàn tất mọi nghĩa vụ tài sản khác, nếu không đáp ứng được điều kiện đó, không thể tiến hành thủ tục giải thể phải thực hiện một thủ tục pháp lý khác (thủ tục phá sản theo quy định của Luật Phá sản) để chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp trên thị trường. Bên cạnh đó, doanh nghiệp không đang là nguyên đơn hoặc bị đơn (chủ yếu là bị đơn) trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Cơ quan trọng tài. Tuy nhiên, để tạo ra một cơ chế giúp Cơ quan đăng ký kinh doanh xác định chính xác doanh nghiệp giải thể đã trả hết nợ hay chưa, đang trong quá trình giải quyết tranh chấp hay không là một việc không hề đơn giản.

2. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014

Trừ trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giải thể doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án và trường hợp giải thể theo quy định của các luật chuyên ngành đối với các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo các luật chuyên ngành đó (Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán... thì việc chấm dứt hoạt động của các doanh nghiệp đó thông qua thủ tục giải thể được thực hiện theo các văn bản pháp luật đặc thù này), việc giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp

Trong trường hợp việc giải thể doanh nghiệp được tiến hành theo quyết định của chủ sở hữu doanh nghiệp, quyết định giải thể doanh nghiệp được thông qua theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và điều lệ của từng doanh nghiệp cụ

thể. Nếu là doanh nghiệp tư nhân do chủ doanh nghiệp quyết định; đối với công ty hợp danh, quyết định giải thể công ty phải được ít nhất 3/4 tổng số thành viên hợp danh chấp thuận, trừ trường hợp điều lệ công ty có quy định khác đối với công ty cổ phần, quyết định giải thể công ty phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận, trừ trường hợp điều lệ công ty có quy định khác...

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, doanh nghiệp gửi thông báo về việc giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của doanh nghiệp. Kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ (nếu có).

Trên thực tế, khi thực hiện bước đầu tiên này hầu như các doanh nghiệp giải thể chẳng bao giờ gửi Thông báo, Quyết định và Biên bản họp về việc giải thể (kèm theo phương án giải quyết nợ nếu có) đến cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Cũng không mấy doanh nghiệp thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện để cho người lao động, tổ chức, cá nhân có liên quan biết về tình trạng của doanh nghiệp. Có chăng chỉ là việc liên hệ với cơ quan thuế để thực hiện nghĩa vụ thuế sau cùng trước khi giải thể doanh nghiệp (nếu không có xác nhận hoàn tất nghĩa vụ thuế thì không được giải thể). Do đó, Cơ quan đăng ký kinh doanh không thể nào kiểm soát được tình hình thanh toán nợ của doanh nghiệp giải thể với các chủ nợ khác. Khi bản thân các "chủ nợ" còn khó khăn trong việc nắm bắt tình hình đang làm thủ tục giải thể của "con nợ" (trừ khi doanh nghiệp giải thể "tử tế" thông báo).

Thậm chí, tình trạng giải thể nếu có được đăng trên Cổng Thông tin quốc gia, các doanh nghiệp chủ nợ cũng khó mà biết, chẳng mấy doanh nghiệp theo dõi cập nhật thường xuyên tình trạng các doanh nghiệp giải thể để xem trong đó có "con nợ" của mình hay không. Do đó, nhiều doanh nghiệp "chủ nợ" khi đi đòi nợ mới vỡ lẽ "con nợ" đã giải thể từ thuở nào.

Bước 2: Doanh nghiệp giải thể tiến hành thanh lý tài sản

Chủ doanh nghiệp tư nhân, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau: (1) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; (2) Nợ thuế; (3) Các khoản nợ khác. Thực ra, thứ tự thanh toán nợ trên chẳng có ý nghĩa gì với những doanh nghiệp đủ điều kiện giải thể theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Bước 3: Gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh để hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi đề nghị giải thể (hồ sơ giải thể) cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp. Sau khi nhận được hồ sơ giải thể của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc doanh nghiệp đăng ký giải thể cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế gửi ý kiến về việc giải thể của doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối của cơ quan thuế, đồng thời ra Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp.

Như vậy, chỉ khi cơ quan thuế từ chối, doanh nghiệp mới có thể bị trả lại hồ sơ giải thể. Giả sử, tổ chức, cá nhân chưa được doanh nghiệp giải thể trả nợ khi biết tin về “con nợ” của mình chuẩn bị giải thể, gửi văn bản tới Cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu không cho doanh nghiệp (đã đầy đủ hồ sơ giải thể) được giải thể, khi đó Cơ quan đăng ký kinh doanh có giải quyết không, hay tổ chức, cá nhân đó phải nhanh chóng gửi hồ sơ khởi kiện ra Tòa án hoặc Trọng tài để doanh nghiệp giải thể không đủ điều kiện giải thể rồi thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh. Vô hình chung, cơ chế kiểm soát nghĩa vụ thanh toán nợ của doanh nghiệp giải thể chỉ xung quanh nghĩa vụ thuế với nhà nước. Quyền lợi chính đáng của các tổ chức, cá nhân có liên quan vẫn bỏ ngõ.

Để giải quyết vấn đề trên, Luật Doanh nghiệp 2014 có quy định về “trách nhiệm cá nhân” đối với thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần, thành viên Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, chủ sở hữu công ty, chủ doanh nghiệp tư nhân, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người nêu trên phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh. Điều đó có nghĩa là nếu hồ sơ giải thể có giả mạo, thiếu trung thực (không liệt kê một số chủ nợ...), pháp luật quy định những người chủ sở hữu hoặc người quản lý doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ chưa thanh toán đó bằng tài sản riêng của mình. Tuy nhiên, đến lúc tìm được những người trên yêu cầu chịu trách nhiệm hoặc trách nhiệm liên đới là chuyện không dễ dàng trong một quy trình tố tụng phức tạp như hiện nay. Bên cạnh đó, thời hạn chịu trách nhiệm này cũng được giới hạn trong 05 năm kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp nên tốt nhất là các chủ nợ cũng phải có ý thức quan tâm đến đối tác, đến việc thu hồi

công nợ của mình để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đó một cách kịp thời và hiệu quả.

3. Đánh giá thực trạng và kiến nghị

Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp gắn với bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới suy thoái trong nhiều năm qua, nền kinh tế nước ta cũng bị ảnh hưởng không nhỏ, các doanh nghiệp gặp khá nhiều khó khăn để duy trì sự tồn tại và phát triển của mình. Theo nguồn tin từ Cục quản lý đăng ký kinh doanh thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, từ năm 2010 đến nay, số lượng doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động càng ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, trên thực tế thống kê tỷ trọng doanh nghiệp tuân thủ nghĩa vụ giải thể doanh nghiệp chỉ dao động từ 14% đến 17% trong tổng số doanh nghiệp cần giải thể (hoặc phá sản). Như vậy, có một lượng lớn các doanh nghiệp thực tế không còn hoạt động kinh doanh nhưng không thực hiện quy trình giải thể (hoặc phá sản). Đây là một tỷ lệ rất thấp, phần nào phản ánh tính khả thi trong quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp. Hơn tất cả, điều này không chỉ dẫn tới việc Nhà nước thất thu thuế mà người lao động bị xâm hại quyền lợi, chủ nợ không thể thu hồi nợ... và còn làm sai lệch các thông tin thống kê về doanh nghiệp, ảnh hưởng tới sự minh bạch của môi trường kinh doanh. Đặc biệt, việc doanh nghiệp đã ngừng hoạt động nhưng vẫn gây hậu quả kéo dài đang thể hiện rõ đối với những trường hợp chủ doanh nghiệp là người nước ngoài, có thuê đất nhà nước, còn nợ thuế, nợ khách hàng, nợ lương người lao động... nhưng chủ doanh nghiệp đã bỏ trốn về nước nên không có người chịu trách nhiệm để thực hiện các thủ tục giải thể hoặc phá sản doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Trong trường hợp này để quy trách nhiệm cá nhân người quản lý doanh nghiệp là chuyện không tưởng.

Những khó khăn, vướng mắc trong vấn đề giải thể doanh nghiệp xuất phát từ nhiều nguyên nhân:

Thứ nhất, nhận thức pháp luật nói chung của nhiều doanh nghiệp (cụ thể là chủ doanh nghiệp, đại diện pháp luật của doanh nghiệp) còn thấp, ý thức chấp hành các quy định về giải thể doanh nghiệp chưa cao.

Thứ hai, chế tài xử lý đối với các chủ doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp khi họ không chấp hành các quy định chưa đủ răn đe, dẫn tới nhiều chủ doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật không quan tâm tới nghĩa vụ giải thể. Giữa việc thực hiện quy định của pháp luật (trình tự, thủ tục giải thể khá mất thời gian, công sức) và việc không thực hiện quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp mà vẫn không phát sinh trách nhiệm pháp lý gì cụ thể thì tất yếu họ chọn im lặng (không hành động và biến mất không dấu vết).

Thứ ba, trong nhiều trường hợp, việc hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện để doanh nghiệp hoàn thành nhanh chóng các thủ tục hành chính liên quan theo quy trình giải thể tại một số cơ quan quản lý nhà nước địa phương chưa được tốt; Đặc biệt, thủ tục hoàn tất nghĩa vụ thuế còn gặp nhiều khó khăn, thời gian kéo dài, tạo tâm lý mệt mỏi cho doanh nghiệp.

Thứ tư, cơ chế pháp lý để bảo vệ quyền lợi của các chủ nợ và người lao động trong trường hợp giải thể doanh nghiệp vẫn chưa được đặt ra một cách thỏa đáng. Môi trường kinh doanh thông thoáng, thủ tục hành chính đơn giản là mục tiêu mà cải cách hành chính hướng tới, tuy nhiên cần tăng cường công tác “hậu kiểm” để tránh trường hợp nhiều doanh nghiệp ra đời chỉ để chờ “giải thể hoặc phá sản” khi nợ nần đã chồng chất.

Để giải quyết những khó khăn, vướng mắc hiện nay về việc giải thể của doanh nghiệp, có thể nghiên cứu một số giải pháp như sau:

Một là, tiếp tục nghiên cứu, đơn giản hóa những thủ tục hành chính của doanh nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước trước khi doanh nghiệp thực

hiện nộp bộ hồ sơ giải thể tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Trong đó, tập trung đơn giản hóa quy trình về kê khai và quyết toán thuế cho doanh nghiệp sau khi doanh nghiệp quyết định giải thể. Tuy nhiên, cần thiết phải nghiên cứu một cơ chế pháp lý đơn giản mà hiệu quả để tăng cường kiểm soát nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp giải thể với các chủ nợ khác và người lao động.

Hai là, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp cũng như pháp luật, chế tài xử phạt vi phạm về giải thể, phá sản doanh nghiệp nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp.

Ba là, cần rà soát lại và đề xuất các chế tài đủ mạnh, có tính răn đe đối với những doanh nghiệp, cá nhân liên quan (người đại diện theo pháp luật, các thành viên của công ty) không tuân thủ nghĩa vụ giải thể doanh nghiệp. Khi ý thức pháp luật của doanh nghiệp chưa cao thì chế tài là một trong những biện pháp hữu hiệu để đưa các doanh nghiệp vào khuôn khổ pháp lý cần thiết.

Bốn là, hoàn thiện hơn nữa cơ chế, chính sách và nền tảng công nghệ thông tin để Cổng thông tin quốc gia giữ vai trò đầu mối cung cấp, cập nhật thông tin pháp lý về đăng ký doanh nghiệp, từ đó, tạo điều kiện cho mọi tổ chức, cá nhân có thể tiếp cận dễ dàng các thông tin chính xác về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, phát huy vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả điều chỉnh pháp luật đối với lĩnh vực giải thể doanh nghiệp nói riêng và hoạt động kinh doanh nói chung nhằm hướng đến bảo vệ trật tự chung của nền kinh tế thị trường lành mạnh và phát triển ổn định, bền vững ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Luật Doanh nghiệp 2014.
2. Luật Đầu tư 2014.
3. Nghị định 78/2015/NĐ-CP.
4. Cổng Thông tin của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày nhận bài: 23/6/2016

Ngày chấp nhận đăng bài: 23/7/2016

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN THỊ DIỄM HƯỜNG

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: 0983162621

Email: diemhuong81.law@gmail.com

ENTERPRISE DISSOLUTION: CURRENT STATUS AND RECOMMENDATIONS

● **Master. NGUYEN THI DIEM HUONG**
BA RIA - VUNG TAU UNIVERSITY

ABSTRACTS:

Dissolution of an enterprise is an administrative procedure proceeded by the enterprise, following the regulations of business law and relevant laws. It is one of the procedures the enterprise must follow to withdraw from the market. However, in fact many enterprises are no longer available but they have yet done dissolution procedures. Besides, the awareness of the enterprises owner or the legal representative of the enterprise toward the dissolution procedure is not high while the legal punishments almost always do not work. Although the regulations of dissolution were improved a lot as well as replacing some business laws, the effects of adjusting the regulations of dissolution were still not improved enough. Therefore, in the present market, we need the synchronous solutions from all sides to reduce the “secret disappearance” or “seeking safety in flight” of the enterprises.

Key words: Dissolution of an enterprise, Law on Enterprises, synchronous solutions form all side.